

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch điều dưỡng đối với người có công và thân nhân người có công năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03 tháng 6 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ; Thông tư số 101/2018/TT-BTC ngày 14/11/2018 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Căn cứ Quyết định số 1648/QĐ-LĐTBXH ngày 31/12/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 thực hiện Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2017 của UBND tỉnh Hà Tĩnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng: Người có công, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã và Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng Người có công và Bảo trợ xã hội Hà Tĩnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch điều dưỡng năm 2021 đối với các đối tượng người có công và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, tổng số: 19.466 người, kinh phí: 25.603.260.000 đồng.

Trong đó:

Điều dưỡng tập trung: Số người: 3.600; Số tiền: 7.992.000.000 đồng.

Điều dưỡng tại gia đình: Số người 15.866; Số tiền: 17.611.260.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã lập danh sách đối tượng điều dưỡng tập trung, đối tượng điều dưỡng tại gia đình trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt. Phối hợp Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ Xã hội tỉnh Hà Tĩnh lập kế hoạch tổ chức điều dưỡng tập trung đối tượng người có công với cách mạng theo đúng quy định; đồng thời thực hiện chi trả chế độ điều dưỡng tại gia đình sau khi được phê duyệt đảm bảo đúng đối tượng, chế độ chính sách.

Giao Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ Xã hội tỉnh Hà Tĩnh phối hợp Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã lập kế hoạch tổ chức điều dưỡng tập trung đảm bảo đúng đối tượng, chế độ chính sách, thời gian điều dưỡng trình Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng; Trưởng phòng: Người có công, Kế hoạch - Tài chính Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Trung tâm Điều dưỡng người có công và Bảo trợ Xã hội Hà Tĩnh; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội các huyện, thành phố, thị xã và cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐ-TBXH;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc, các Phó GD;
- BBT Website Sở;
- Lưu VT, NCC, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Trí Lạc

GIAO CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH ĐIỀU DƯỠNG TẬP TRUNG, TẠI GIA NĂM
2021

(Kèm theo Quyết định số 1599/QĐ-SLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2021)

Số TT	Đơn vị	Đối tượng NCC được điều dưỡng năm 2021					
		Điều dưỡng tại nhà		Điều dưỡng tập trung		Cộng	
		Đối tượng	Thành tiền (1.110.000đ)	Đối tượng	Thành tiền (2.220.000đ)	Đối tượng	Thành tiền (đồng)
1	Hương Khê	1,116	1,238,760,000	300	666,000,000	1,416	1,904,760,000
2	Can Lộc	1,597	1,772,670,000	350	777,000,000	1,947	2,549,670,000
3	Hương Sơn	1,283	1,424,130,000	300	666,000,000	1,583	2,090,130,000
4	Đức Thọ	2,085	2,314,350,000	450	999,000,000	2,535	3,313,350,000
5	Vũ Quang	452	501,720,000	100	222,000,000	552	723,720,000
6	Lộc Hà	653	724,830,000	150	333,000,000	803	1,057,830,000
7	Kỳ Anh	1,012	1,123,320,000	250	555,000,000	1,262	1,678,320,000
8	Nghi Xuân	1,375	1,526,250,000	300	666,000,000	1,675	2,192,250,000
9	TP Hà Tĩnh	1,093	1,213,230,000	300	666,000,000	1,393	1,879,230,000
10	TX Hồng Lĩnh	663	735,930,000	150	333,000,000	813	1,068,930,000
11	Thạch Hà	1,448	1,607,280,000	350	777,000,000	1,798	2,384,280,000
12	TX Kỳ Anh	634	703,740,000	150	333,000,000	784	1,036,740,000
13	Cẩm Xuyên	2,455	2,725,050,000	450	999,000,000	2,905	3,724,050,000
	Cộng	15,866	17,611,260,000	3,600	7,992,000,000	19,466	25,603,260,000